Tạp chí Khoa học – Đại học Huế
ISSN 2588–1205
Tập 126, Số 5A, 2017, Tr. 77–88

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ THUẾ THU NHẬP CỦA DOANH NGHIỆP – NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Ngọc Toản*

Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh,
12 Nguyễn Văn Bảo, P. 4, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế đã được áp dụng trong khá nhiều nghiên cứu thực nghiệm trước đây. Tuy nhiên, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của doanh nghiệp, đặc biệt là tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh chưa có nhiều nghiên cứu. Với phương pháp nghiên cứu định lượng, Bài báo xác định các yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả thu thập dữ liệu thông qua khảo sát 198 doanh nghiệp. Kết quả cho thấy 7 yếu tố ảnh hưởng gồm (1) yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế; (2) yếu tố pháp luật và chính sách về thuế; (3) yếu tố đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp; (4) yếu tố đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp; (5) yếu tố đặc điểm ngành; (6), yếu tố kinh tế; và (7) yếu tố xã hội.

Từ khóa: tuân thủ thuế, doanh nghiệp, thành phố Hồ Chí Minh

1 Đặt vấn đề

Thuế gắn liền với sự tồn tại và phát triển của nhà nước, là một công cụ quan trọng mà bất kỳ quốc gia nào cũng sử dụng để thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình. Vì vậy, thuế là vấn đề quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia, bất kể đó là quốc gia phát triển hay đang phát triển. Hiện nay, mỗi tháng có hàng nghìn doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh. Đây là tiền đề cho nền kinh tế phát triển nhưng cũng là thách thức không nhỏ đối với các cơ quan thuế trong việc quản lý thu thuế một cách hiệu quả từ các doanh nghiệp này. Trong đó, hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp này luôn là vấn đề được các cơ quan quản lý thuế đặc biệt quan tâm. Sẽ thuận lợi nếu việc tuân thủ thuế có thể đạt được trên cơ sở tự nguyện của các doanh nghiệp này hơn là sử dụng những hình thức đe dọa bằng công cụ xử phạt và cưỡng chế. Việc tuân thủ thuế rõ ràng là một vấn đề lớn ảnh hưởng đến nguồn thu của mọi quốc gia. Chính vì vậy, các nước vẫn theo đuổi một chính sách thuế với mục tiêu quan trọng nhất là tối đa hóa việc tuân thủ thuế. Trong nghiên cứu này, tác giả sẽ tiến hành nhận dạng và xác định mức độ tác động của các yếu tố đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cơ sở góp phần giúp cơ quan thuế hoàn thiện chính sách, cải cách thủ tục hành chính về thuế theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nộp thuế trong việc thực hiện tuân thủ pháp luật thuế, đáp ứng yêu cầu về nguồn thu ngân sách, yêu cầu quản lý kinh tế của Nhà nước, phù hợp với khả năng đóng góp của các chủ thể trong nền kinh tế.

2 Phương pháp nghiên cứu

** Liên hệ: buitoan.hui@gmail.com*

Nhận bài: 10–04–2016; Hoàn thành phản biện: 24–04–2016; Ngày nhận đăng: 26–4–2017

2.1 Mô hình nghiên cứu

Xây dựng mô hình nghiên cứu

Theo Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012), tuân thủ thuế của doanh nghiệp có thể hiểu là hành vi chấp hành nghĩa vụ thuế theo đúng mục đích của luật một cách đầy đủ, tự nguyện và đúng thời gian Một số nghiên cứu thực nghiệm về hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp trong thời gian gần đây bao gồm: Đặng Thị Bạch Vân (2014) đã cho rằng các yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế gồm có: thuế suất, xác xuất bị kiểm tra, mức phạt, nhận thức về tính công bằng, ý thức thuế ; Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012) tiến hành thu thập dữ liệu của 170 doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Nghiên cứu cho rằng hành vi tuân thủ thuế thông qua khả năng nộp thuế đúng hạn của các doanh nghiệp tư nhân bị tác động bởi các yếu tố liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể là lợi nhuận của doanh nghiệp, tổng số thuế phải nộp, ngành nghề kinh doanh và giới tính của chủ doanh nghiệp; Trong một nghiên cứu khác, Văn Công Tuân (2012) đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả cho rằng các yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp bao gồm yếu tố kinh tế, yếu tố chính sách thuế và quản lý thuế, yếu tố đặc điểm của doanh nghiệp, yếu tố ngành kinh doanh của doanh nghiệp, yếu tố pháp luật và xã hội, yếu tố tâm lý; Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009) đã xác định có sáu nhóm yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp, đặc điểm ngành của doanh nghiệp, yếu tố xã hội, yếu tố kinh tế, yếu tố pháp luật. Từ đó, nghiên cứu đề xuất những giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý thuế của nhà nước nhằm tăng cường hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp; Ngoài ra, tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (2004) đã tiến hành nghiên cứu về hành vi tuân thủ thuế nhằm nâng cao được sự tuân thủ hệ thống thuế. Nghiên cứu đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp gồm yếu tố đặc điểm doanh nghiệp, yếu tố ngành, yếu tố xã hội, yếu tố kinh tế, yếu tố tâm lý.

Căn cứ vào quá trình lược khảo các nghiên cứu trước đây có liên quan, tác giả thấy rằng các yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp bao gồm: đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp, đặc điểm ngành của doanh nghiệp, yếu tố xã hội, yếu tố kinh tế, yếu tố pháp luật và chính sách về thuế. Ngoài ra, tác giả đưa thêm yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế vào mô hình nghiên cứu, yếu tố mới này cũng đã được Đặng Thị Bạch Vân (2014) đề cập đến, nhưng bài nghiên cứu này chỉ nêu vai trò của đặc điểm cơ quan thuế đối với hành vi tuân thủ thuế và chỉ dừng lại dưới dạng nghiên cứu định tính mà chưa lượng hóa mức độ tác động cụ thể. Việc đưa thêm yếu tố này là do cơ quan thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến việc nộp thuế cũng như hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp. Không chỉ vậy, việc đưa thêm biến này vào mô hình ước lượng nhằm tạo sự phù hợp với thực tiễn cũng như tạo tính mới cho bài nghiên cứu so với nghiên cứu trước. Các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu sẽ được xây dựng theo thang đo Likert 5. Việc xây dựng thang đo này được dựa trên cơ sở các nghiên cứu của Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009) và Văn Công Tuân (2012).

Mô hình nghiên cứu có dạng như sau:

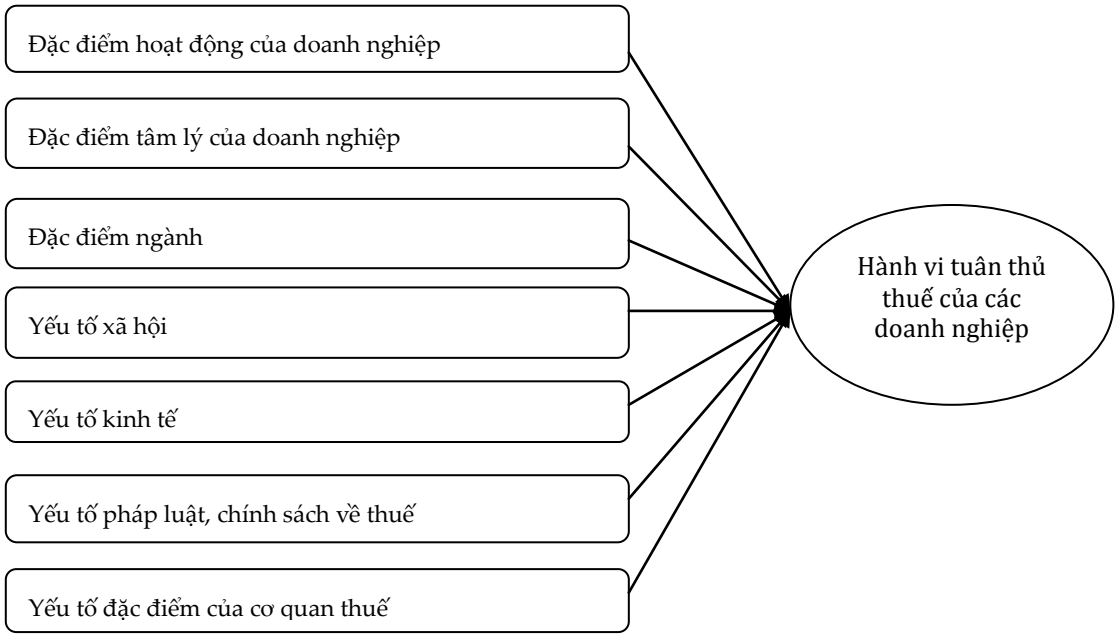

Hình 1. Mô hình nghiên cứu dự kiến

Thiết kế câu hỏi khảo sát

Câu hỏi khảo sát được xây dựng, phát triển từ cơ sở lý thuyết và các mô hình nghiên cứu thực nghiệm trước đây, kết hợp với việc xây dựng mới một số câu hỏi khảo sát nhằm tạo tính mới của đề tài và phù hợp với thực tiễn về hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các câu hỏi khảo sát được thiết kế và trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Thiết kế câu hỏi khảo sát

Biến	Mã hóa	Diễn giải	Nguồn tham khảo
Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (DDHD)	DDDN1	Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDDN2	Loại hình sở hữu của doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDDN3	Quy mô hoạt động của doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDDN4	Thời gian (thâm niên) hoạt động của doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDDN5	Kiến thức về thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDDN6	Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp	Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)

Biến	Mã hóa	Diễn giải	Nguồn tham khảo
	DDDN7	Nguồn lực tài chính của doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
Đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp (DDTL)	DDTL1	Nhận thức của doanh nghiệp về sự công bằng của hệ thống thuế	Đặng Thị Bạch Vân (2014); OECD (2004); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); Văn Công Tuân (2012)
	DDTL2	Xác suất bị phát hiện không tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp	Đặng Thị Bạch Vân (2014); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDTL3	Sự hài lòng của doanh nghiệp về cơ quan thuế	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
Đặc điểm ngành (DDN)	DDN1	Khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp trong ngành	Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDN2	Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành	Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	DDN4	Đặc điểm ngành trong việc ước lượng thu nhập chịu thuế (do khách hàng không lấy hóa đơn)	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
Yếu tố xã hội (XH)	XH1	Tuổi của nhà quản lý doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	XH2	Giới tính của nhà quản lý doanh nghiệp	Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	XH3	Vai trò / vị thế / danh tiếng của doanh nghiệp trong xã hội	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	XH4	Các chuẩn mực, quy tắc xã hội (văn hóa về thuế)	Đặng Thị Bạch Vân (2014); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
Yếu tố kinh tế (KT)	KT1	Lãi suất thị trường	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	KT2	Tình hình lạm phát, tăng trưởng kinh tế	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	KT3	Chính sách của Chính phủ và hiệu quả của chi tiêu công từ tiền thuế	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	KT4	Mức độ hội nhập quốc tế của nền kinh tế	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
	KT5	Chi phí tuân thủ thuế (tiền và thời gian đầu tư vào việc tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp)	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); OECD (2004); Văn Công Tuân (2012)
Yếu tố pháp luật, chính sách về thuế (PL)	PL1	Sự ổn định của các quy định, chính sách pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp	Đặng Thị Bạch Vân (2014); Văn Công Tuân (2012)
	PL2	Các kẽ hở trong chính sách pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); Văn Công Tuân (2012)
	PL3	Sự răn đe của các biện pháp, chế tài trong việc xử lý hành vi gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); Đặng Thị Bạch Vân (2014); Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009); Văn Công Tuân (2012)

Biến	Mã hóa	Diễn giải	Nguồn tham khảo
Yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế (CQT)	CQT1	Công tác kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ quan thuế	Xây dựng mới
	CQT2	Năng lực, trình độ chuyên môn trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp của cán bộ ngành thuế	Xây dựng mới
	CQT3	Trình độ công nghệ tin học của cán bộ ngành thuế	Xây dựng mới
	CQT4	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế của cơ quan thuế	Xây dựng mới
	CQT5	Thủ tục hành chính của cơ quan thuế	Xây dựng mới
Hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp (TTT)	TTT1	Doanh nghiệp Ông / Bà luôn khai báo chính xác các khoản chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	Văn Công Tuân (2012)
	TTT2	Doanh nghiệp Ông / Bà luôn thanh toán khoản thuế thu nhập doanh nghiệp đúng hạn	Văn Công Tuân (2012)
	TTT3	Doanh nghiệp Ông / Bà hoàn toàn tuân thủ trong kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp	Văn Công Tuân (2012)

Nguồn: tổng hợp của tác giả

2.1 Dữ liệu nghiên cứu

Cỡ mẫu được chọn lọc để đưa vào nghiên cứu gồm 198 quan sát, tác giả thu thập trong quá trình điều tra, phỏng vấn trực tiếp và ngẫu nhiên từ những doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian điều tra từ 20/02/2016 đến ngày 25/3/2016 theo mẫu đã được thiết kế sẵn.

2.2 Phương pháp phân tích

Bài nghiên cứu vận dụng phương pháp phân tích yếu tố khám phá (EFA), phân tích mô hình hồi quy bội nhằm nhận dạng và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, công cụ được chọn sử dụng là phần mềm phân tích SPSS.

3 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Phân tích các yếu tố khám phá

Nhằm xác định tập hợp biến cần thiết cho vấn đề nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp phân tích yếu tố khám phá để xem xét mức độ hội tụ của các biến quan sát theo từng thành phần và giá trị phân biệt giữa các yếu tố. Sau khi phân tích yếu tố, chỉ những nhóm yếu tố thỏa mãn điều kiện mới có thể tham gia vào các phần phân tích tiếp theo. Kết quả phân tích yếu tố khám phá các biến độc lập được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả phân tích yếu tố khám phá các biến độc lập

Biến quan sát	Yếu tố						
	1	2	3	4	5	6	7
DDHD6	0,798						
DDHD5	0,788						
DDHD3	0,760						
DDHD4	0,758						
DDHD7	0,738						
DDHD1	0,730						
DDHD2	0,724						
CQT4		0,871					
CQT1		0,843					
CQT5		0,767					
CQT2		0,743					
CQT3		0,701					
XH2			0,872				
XH1			0,822				
XH3			0,787				
XH4			0,693				
KT3				0,770			
KT1				0,750			
KT5				0,740			
KT4				0,692			
KT2				0,658			
DDTL3					0,925		
DDTL2					0,877		
DDTL1					0,858		
PL3						0,852	
PL2						0,842	
PL1						0,840	
DDN2							0,899
DDN1							0,887
DDN3							0,852

Nguồn: tính toán của tác giả

Kết quả phân tích yếu tố khám phá các biến độc lập cho thấy phân tích rút trích được bảy yếu tố (gồm đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (DDHD), yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế (CQT), yếu tố xã hội (XH), yếu tố kinh tế (KT), đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp (DDTL), yếu tố pháp luật và chính sách về thuế (PL), đặc điểm ngành (DDN)) với chỉ số KMO là 0,674 (lớn hơn 0,5), chỉ số Eigenvalue là 1,628 (lớn hơn 1), tổng phương sai trích được là 68,388 % (lớn hơn 50 %), kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa là 0,000 (nhỏ hơn 5 %). Vậy, bảy yếu tố là các biến độc lập được đưa vào phân tích các bước tiếp theo để kiểm định mô hình nghiên cứu.

Kết quả phân tích yếu tố khám phá biến phụ thuộc

Kết quả phân tích yếu tố khám phá biến phụ thuộc (Bảng 3) cho thấy phân tích rút trích được một yếu tố (*hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp* (*TTT*)) với chỉ số KMO là 0,645 (lớn hơn 0,5), chỉ số Eigenvalue là 1,717 (lớn hơn 1), tổng phương sai trích được là 57,241 % (lớn hơn

50 %), kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa là 0,000 (nhỏ hơn 5 %). Vậy, yếu tố này là biến phụ thuộc đưa vào phân tích các bước tiếp theo để kiểm định mô hình nghiên cứu.

Bảng 3. Kết quả phân tích yếu tố khám phá biến phụ thuộc

Biến quan sát	Yếu tố
	1
TTT3	0,778
TTT2	0,755
TTT1	0,736

Nguồn: tính toán của tác giả

3.2. Kiểm định hệ số Cronbach's Alpha

Hệ số Cronbach's Alpha là một phép kiểm định thống kê dùng để kiểm tra sự chặt chẽ và tương quan giữa các biến quan sát. Điều này liên quan đến hai khía cạnh là tương quan giữa bản thân các biến và tương quan của các điểm số của từng biến với điểm số toàn bộ các biến của mỗi người trả lời. Phương pháp này cho phép người phân tích loại bỏ những biến không phù hợp và hạn chế biến rác trong mô hình nghiên cứu. Theo đó, chỉ những biến có hệ số tương quan biến tổng phù hợp lớn hơn 0,3 và có hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên mới được xem là chấp nhận được và thích hợp đưa vào phân tích những bước tiếp theo [2].

Kết quả kiểm định thực nghiệm cho rằng các biến đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp lớn hơn 0,3 và có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 nên các biến đều chấp nhận được và thích hợp đưa vào phân tích những bước tiếp theo (Bảng 4).

Bảng 4. Xác định hệ số Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (DDHD): Cronbach's Alpha = 0,879				
DDHD1	19,28	13,849	0,645	0,864
DDHD2	19,06	13,194	0,635	0,865
DDHD3	19,09	12,997	0,665	0,861
DDHD4	19,24	13,126	0,673	0,860
DDHD5	19,05	12,698	0,681	0,859
DDHD6	18,86	12,965	0,705	0,856
DDHD7	19,18	13,243	0,642	0,864
Yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế (CQT): Cronbach's Alpha = 0,869				
CQT1	12,91	9,196	0,733	0,833
CQT2	12,93	9,558	0,644	0,853
CQT3	12,82	8,644	0,679	0,846
CQT4	12,77	8,349	0,791	0,815
CQT5	12,70	9,327	0,630	0,856
Yếu tố xã hội (XH): Cronbach's Alpha = 0,827				
XH1	9,00	3,838	0,644	0,787
XH2	8,88	3,829	0,728	0,746
XH3	9,17	3,987	0,680	0,769
XH4	9,36	4,455	0,564	0,819
Yếu tố kinh tế (KT): Cronbach's Alpha = 0,778				
KT1	13,74	7,136	0,581	0,727

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
KT2	13,72	7,471	0,485	0,758
KT3	13,48	6,769	0,610	0,716
KT4	13,77	7,235	0,509	0,751
KT5	13,44	6,705	0,574	0,729
Đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp (DDTL): Cronbach's Alpha = 0,893				
DDTL1	6,28	3,207	0,763	0,872
DDTL2	6,16	3,067	0,769	0,866
DDTL3	5,93	2,706	0,845	0,799
Yếu tố pháp luật, chính sách về thuế (PL): Cronbach's Alpha = 0,860				
PL1	6,49	2,698	0,738	0,804
PL2	6,47	3,002	0,775	0,770
PL3	6,46	3,022	0,699	0,835
Đặc điểm ngành (DDN): Cronbach's Alpha = 0,883				
DDN1	6,03	3,532	0,786	0,822
DDN2	5,96	3,623	0,769	0,837
DDN3	5,93	3,518	0,763	0,843
Hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp (TTT): Cronbach's Alpha = 0,618				
TTT1	6,70	1,063	0,410	0,550
TTT2	6,73	1,101	0,427	0,520
TTT3	6,89	1,277	0,459	0,492

Nguồn: tính toán của tác giả

3.3. Phân tích kết quả hồi quy

Phân tích hồi quy sẽ xác định mối quan hệ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập. Mô hình phân tích hồi quy sẽ mô tả hình thức mối quan hệ và qua đó giúp ta dự đoán được mức độ của biến phụ thuộc khi biết trước giá trị của các biến độc lập. Kết quả kiểm định ANOVA với mức ý nghĩa Sig. là 0,000 cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính bội đã xây dựng phù hợp với tập dữ liệu. Bên cạnh đó, để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, ta sử dụng hệ số xác định R^2. Hệ số này cho biết mức độ giải thích của mô hình hồi quy được xây dựng với tập dữ liệu nghiên cứu. Hệ số này càng gần 1 thì mô hình xây dựng càng thích hợp với tập dữ liệu mẫu và ngược lại càng gần 0 mô hình kém phù hợp. Kết quả mô hình hồi quy ở Bảng 5 cho thấy hệ số xác định R^2 = 60,6 %, điều này có nghĩa là 60,6 % mức độ biến động về hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh sẽ được giải thích bởi những yếu tố là các biến độc lập đã được chọn đưa vào mô hình. Hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có quan hệ cùng chiều với các biến độc lập.

Kết quả mô hình nghiên cứu có phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$\mathbf{TTT = 0{,}190 \cdot DDHD + 0{,}418 \cdot CQT + 0{,}102 \cdot XH + 0{,}166 \cdot KT +}$$
$$\mathbf{+ 0{,}317 \cdot DDTL + 0{,}323 \cdot PL + 0{,}183 \cdot DDN}$$

Bảng 5. Các thông số thống kê của từng biến trong mô hình

Yếu tố	Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Sig.
Hằng số		0,583
Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (DDHD)	0,190	0,000***
Yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế (CQT)	0,418	0,000***
Yếu tố xã hội (XH)	0,102	0,037**
Yếu tố kinh tế (KT)	0,166	0,000***
Đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp (DDTL)	0,317	0,000***
Yếu tố pháp luật, chính sách về thuế (PL)	0,323	0,000***
Đặc điểm ngành (DDN)	0,183	0,000***
Số quan sát	198	
Kết quả kiểm định ANOVA (sig,)	0,000***	
Hệ số xác định R^2	60,6 %	

Ghi chú: (***) có ý nghĩa ở mức 1 %, (**) có ý nghĩa ở mức 5 %.

Nguồn: tính toán của tác giả

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy:

Yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế

Đây là yếu tố tác động mạnh nhất đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh với hệ số beta là 0,418. Đặc điểm của cơ quan thuế bao gồm công tác kiểm tra, thanh tra thuế, năng lực của cơ quan thuế, thủ tục hành chính… Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực của cơ quan thuế trong việc hỗ trợ doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế. Đây cũng là điểm mới của nghiên cứu so với các nghiên cứu trước.

Yếu tố pháp luật, chính sách về thuế

Yếu tố tác động mạnh thứ hai đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là yếu tố pháp luật và chính sách về thuế (PL) với hệ số beta là 0,323. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của Đặng Thị Bạch Vân (2014), Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009) và Văn Công Tuân (2012). Yếu tố pháp luật và chính sách về thuế bao gồm sự ổn định trong các quy định, chính sách pháp luật về thuế, các kẽ hở trong chính sách pháp luật, sự răn đe và các chế tài trong việc xử lý hành vi gian lận thuế. Khi yếu tố pháp luật và chính sách về thuế được cải thiện tốt, doanh nghiệp sẽ có điều kiện thuận lợi để tuân thủ các quy định về thuế.

Đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp

Đây là yếu tố tác động mạnh thứ ba đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh với hệ số tác động 0,317. Kết quả này cũng tìm thấy trong các nghiên cứu của Đặng Thị Bạch Vân (2014), Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), Hợp tác

và Phát triển Kinh tế OECD (2004) và Văn Công Tuân (2012). Các yếu tố như xác suất bị phát hiện không tuân thủ thuế, sự hài lòng của doanh nghiệp với cơ quan thuế, hoặc nhận thức của doanh nghiệp về sự công bằng của hệ thống thuế đều thuộc đặc điểm tâm lý của doanh nghiệp và có ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Điều này cho thấy các cơ quan thuế nên dành nhiều quan tâm hơn nữa đến tính nghiêm minh và công bằng trong việc lập thuế, cũng như thi hành thuế, từ đó xây dựng niềm tin từ các doanh nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Yếu tố tiếp theo tác động đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (DDHD) với hệ số hồi quy 0,190. Kết quả này cho thấy khi doanh nghiệp có các điều kiện thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh tốt sẽ tác động không nhỏ đến hành vi tuân thủ thuế. Điều này cũng tìm thấy trong các nghiên cứu của Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012), Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (2004) và Văn Công Tuân (2012).

Đặc điểm ngành

Yếu tố tác động mạnh thứ năm đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là Đặc điểm ngành (DDN) với hệ số beta là 0,183. Thực tế cho thấy rằng những doanh nghiệp trong các ngành khó kiểm soát thu nhập chịu thuế (do khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn), các doanh nghiệp thuộc ngành có mức độ lợi nhuận và cạnh tranh khác nhau cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hành vi tuân thủ thuế. Kết quả này khá tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012), tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (2004) và Văn Công Tuân (2012).

Yếu tố kinh tế

Yếu tố tác động kế tiếp đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là yếu tố kinh tế (KT) với hệ số beta là 0,166. Nghiên cứu sự tác động của yếu tố kinh tế đến hành vi tuân thủ thuế là rất quan trọng, đặc biệt là trong giai đoạn nền kinh tế còn nhiều khó khăn và biến động mạnh như hiện nay. Những tác động này đã gây áp lực rất lớn về gánh nặng tài chính đối với doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và làm cho các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tuân thủ thuế. Kết quả này cũng tìm thấy trong các nghiên cứu của Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (2004) và Văn Công Tuân (2012).

Yếu tố xã hội

Yếu tố tác động cuối cùng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là yếu tố xã hội (XH) với hệ số beta là 0,102. Kết quả này khá tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012), Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (2004) và Văn Công Tuân (2012). Điều này cho thấy, các doanh nghiệp bị tác động bởi văn hóa tuân thủ thuế, bởi chuẩn mực xã hội, bởi dư luận xã hội về sự tuân thủ thuế và về danh tiếng, vị thế của doanh nghiệp. Dư luận xã hội lên án về hành vi trốn thuế và hoan nghênh hành vi tuân thủ thuế chưa mạnh

mẽ. Tuân thủ thuế chưa được gọi là một chuẩn mực hành vi của một doanh nghiệp trong một cộng đồng xã hội. Đây là vấn đề cơ quan thuế cần quan tâm hơn nữa để nâng cao văn hóa thuế trong quá trình thực hiện chiến lược quản lý thuế của mình.

4 Kết luận

Với mục tiêu kiểm định sự tác động của một số yếu tố đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để làm sáng tỏ vấn đề cần nghiên cứu và đạt được mục tiêu đề ra. Bảy yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp, trong đó yếu tố đặc điểm của cơ quan thuế tác động mạnh nhất đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Việc đưa thêm yếu tố mới này và có ý nghĩa thống kê đã tạo nên điểm mới của bài nghiên cứu so với các nghiên cứu thực nghiệm trước đây.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp các cơ quan thuế hoàn thiện chính sách, cải cách thủ tục hành chính về thuế theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nộp thuế trong việc thực hiện tuân thủ pháp luật thuế, đáp ứng yêu cầu về nguồn thu ngân sách.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012), Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp tư nhân – Xét khía cạnh nộp thuế đúng hạn, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, Số 80, tr.23-34.*
2. Nunnally and Burnstein (1994), *Calculating, Interpreting and Reporting Cronbach's Alpha Reliability Coefficient for Likert – Type Scales.* Nguồn: https://scholarworks.iupui.edu/bitstream/handle/1805/344/Gliem%20&%20Gliem.pdf?sequence=1.

   OECD (2004), Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance, Forum on Tax Administration, *Centre for Tax Policy and Administration.* Nguồn: https://www.oecd.org/tax/administration/33818656.pdf
3. Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), *Hoàn thiện quản lý thu thuế của Nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp – Nghiên cứu tình huống của Hà Nội*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Văn Công Tuân (2012), *Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp (Tình huống nghiên cứu tại Chi cục Thuế quận 1, thành phố Hồ Chí Minh)*, Luận án thạc sĩ, Đại học Kinh tế Tp. HCM.
5. Đặng Thị Bạch Vân (2014), Xoay quanh vấn đề người nộp thuế và tuân thủ thuế, *Tạp chí Phát triển & Hội nhập*, số 16(26), tr.59-63.

FACTORS AFFECTING INCOME TAX COMPLIANCE BEHAVIOR OF COMPANIES - EXPERIMENTAL RESEARCH IN HO CHI MINH CITY

Bui Ngoc Toan*

Industrial University of Ho Chi Minh City,
12 Nguyen Van Bao, P. 4, Q. Go Vap, Ho Chi Minh City, Vietnam

Abstract: Factors affecting tax compliance behavior have been investigated by many prior studies. However, the study of the factors affecting corporate income tax compliance, particularly in Ho Chi Minh City, has not produced much research. With the quantitative method, the paper identifies the factors affecting income tax compliance behaviour of companies in Ho Chi Minh City. The author collected data through a survey of 198 companies. The results showed that there are 7 influencing factors including (1) factor of the tax authority's characteristics; (2) factor of law and tax policies; (3) company's psychological characteristics; (4) company's operational characteristics; (5) branch characteristics; (6) economic factor; and (7) social factor.

Keywords: tax compliance, company, Ho Chi Minh city